

Số: 21/2021/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 08 tháng 12 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Xét Tờ trình số 172/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo số 837/BC-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc ban hành chính sách hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

1. Hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình.

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu hợp pháp tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên đăng ký tại tỉnh Thanh Hóa (bao gồm cả các tàu cá đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình).

b) Điều kiện hỗ trợ: Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên có các loại giấy tờ còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá;

Thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá phải là thiết bị mới 100% tại thời điểm lắp đặt, có chức năng đáp ứng các quy định tại khoản 1, Điều 44, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; đã kích hoạt, kết nối, đồng bộ với phần mềm hệ thống giám sát tàu cá lắp đặt tại Trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản trước ngày 30 tháng 8 năm 2021.

c) Mức hỗ trợ: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tàu cá.

d) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 (một) lần sau khi đầy đủ hồ sơ.

đ) Kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

2. Hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

a) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm a, b, khoản 1, Điều này.

b) Mức hỗ trợ: Theo hóa đơn thực tế nhưng không quá 300.000 (ba trăm nghìn) đồng/tháng/tàu cá.

c) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ hàng năm (01 lần/năm).

d) Thời gian hỗ trợ: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

đ) Kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 2. Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ

1. Thủ tục lập dự toán, thẩm định, phê duyệt phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật ngân sách và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục chi hỗ trợ thực hiện theo quy định sau:

a) Hồ sơ chi hỗ trợ gồm:

Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (theo mẫu);

Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (bản sao);

Hóa đơn theo quy định, chứng từ hợp lệ mua thiết bị giám sát hành trình tàu cá và/hoặc hóa đơn theo quy định, chứng từ hợp lệ phí thuê bao của đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát hành trình tàu cá (bản chính).

b) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) 02 bộ hồ sơ hỗ trợ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng được hỗ trợ đăng ký hộ khẩu thường trú.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn và báo cáo Ủy ban nhân dân xã kết quả tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp danh sách, hồ sơ đề nghị hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ phải có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Văn bản thông báo phải nêu rõ yêu cầu bổ sung hoặc lý do trả lại hồ sơ.

Bước 2: Sau khi nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Tổ công tác tổ chức thẩm định hồ sơ.

Tổ công tác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, thành phần gồm: Đại diện phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc phòng Kinh tế), phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài chính - Kế hoạch, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã có tàu cá trên 15m, đại diện Hội Nông dân huyện hoặc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao, Tổ công tác tiến hành thẩm định và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả thẩm định. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thông báo nêu rõ lý do để Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Bước 3: Sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, Tổ công tác thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách chủ tàu cá đủ điều kiện được hưởng chính sách tại hội trường Nhà văn hóa thôn và Trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 05 ngày.

Bước 4: Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách chủ tàu cá đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 02 ngày làm việc Tổ công tác báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ.

Trường hợp sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách chủ tàu cá đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 02 ngày làm việc Tổ công tác kiểm tra, thẩm định lại và hoàn chỉnh kết quả thẩm định, báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện được hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do không đủ điều kiện hỗ trợ để Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất của Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định hỗ trợ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định hỗ trợ, phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thực hiện chi trả cho các đối tượng được thụ hưởng chính sách, đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Đỗ Trọng Hưng**

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ

(Kèm theo Nghị quyết số: 21/2021/NQ-HĐND, ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa)

Mẫu 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Hỗ trợ kinh phí mua thiết bị giám sát hành trình**

Kính gửi:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.....;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:.....
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/thẻ CCCD:; Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....
(Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức).....
Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ:.....
5. Số đăng ký tàu cá:.....
6. Điện thoại:.....

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ kinh phí mua thiết bị giám sát hành trình với nội dung như sau:

1. Thông tin thiết bị giám sát hành trình:
 - Nhà sản xuất/đơn vị cung cấp:
 - Ký hiệu thiết bị:.....
 - Mã số kẹp chì:.....
2. Tổng kinh phí mua thiết bị giám sát hành trình:.....đồng.
3. Kinh phí đề nghị hỗ trợ: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố....., Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....xem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình năm

Kính gửi:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:
2. Người đại diện (đối với tổ chức):
3. Số CMND/thẻ CCCD:; Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....
(Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với tổ chức).....
Ngày cấp:.....Nơi cấp
4. Địa chỉ:.....
5. Số đăng ký tàu cá:.....
6. Điện thoại:.....

II. Nội dung

Đề nghị hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình với các nội dung như sau:

1. Thông tin thiết bị giám sát hành trình:
 - Nhà sản xuất/đơn vị cung cấp:
 - Ký hiệu thiết bị:.....
 - Mã số kẹp chì:.....
2. Đơn vị cung cấp dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình.....
3. Phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình
 - Phí thuê bao:.....đồng/tháng; số tháng đề nghị hỗ trợ:.....;
 - Số tiền đề nghị hỗ trợ:.....

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố....., Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....xem xét./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))